Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 23.11.2020 17:06:41 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 431 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 và đề xuất giao biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021

Thực hiện Nghị định số 62/2000/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 753/QĐ-BNV ngày 12/10/2020 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Tây Ninh năm 2021 và Công văn số 4365/BNV-TCBC ngày 20/8/2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Tây Ninh năm 2021;

Trên cơ sở thực trạng sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 và nhu cầu biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình thực hiện biên chế công chức, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 và đề xuất Hội đồng nhân dân giao biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 như sau:

I. Tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2020

1. Biên chế công chức

- Tổng số biên chế công chức Trung ương giao năm 2020: **1.818**.

- Tổng số biên chế công chức Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị: **1.818** biên chế (cấp tỉnh: **978** biên chế và cấp huyện: **840** biên chế).

- Tổng số biên chế đang sử dụng của các cơ quan, đơn vị tính đến hết tháng 10/2020 là: **1.675** biên chế, chưa sử dụng là: **143** biên chế.

2. Số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao năm 2020 là **18.002** người (Trong đó: sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 14.022, sự nghiệp Y tế: 2.963, sự nghiệp Văn hóa: 388, sự nghiệp khác: 629).

- Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã sử dụng tính đến tháng 10/2020 là **16.566** người (Trong đó: sự nghiệp Giáo dục -

Đào tạo: 13.318, sự nghiệp Y tế: 2.391, sự nghiệp Văn hóa: 314, sự nghiệp khác: 543).

- Tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao chưa sử dụng tính đến tháng 10/2020 là **1.436** biên chế (Trong đó: sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 704 biên chế / 475 đơn vị , sự nghiệp Y tế: 572 biên chế / 112 đơn vị, sự nghiệp Văn hóa: 74 biên chế / 17 đơn vị, sự nghiệp khác: 86 biên chế / 43 đơn vị).

3. Đánh giá chung về việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020

Nhìn chung, công tác quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, trên tinh thần giữ ổn định biên chế và từng bước thực hiện tinh giản biên chế. Việc tăng, giảm số biên chế công chức, số lượng người làm việc theo từng năm đã được thực hiện theo số biên chế được Bộ Nội vụ giao.

Việc sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc được thực hiện có hiệu quả, chặt chẽ, đúng quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm.

Hiện nay, số lượng biên chế công chức chưa sử dụng là **143** biên chế. Việc chưa sử dụng hết số biên chế được giao là do trong kỳ thi tuyển dụng công chức năm 2020 còn 15 vị trí đăng ký nhưng chưa tuyển dụng được, công chức thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP năm 2020 là 14 trường hợp, công chức nghỉ hưu, nghỉ việc, thôi việc: 45 trường hợp, chuyển công tác: 08 trường hợp, đang thực hiện quy trình tuyển dụng và tiếp nhận công chức không qua thi tuyển: 15 trường hợp…Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ rà soát và có kế hoạch tuyển dụng công chức để sử dụng hiệu quả số biên chế được giao.

Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa sử dụng còn **1.436** người. Việc chưa sử dụng hết số lượng người làm việc được giao là do các đơn vị đã tuyển dụng nhưng chưa tuyển đủ số lượng người như trong thông báo do số lượng người đăng ký dự tuyển thấp, không trúng tuyển; viên chức thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP năm 2020 là 74 trường hợp, viên chức nghỉ hưu, nghỉ việc, thôi việc: 348 trường hợp. Một số đơn vị chưa tuyển dụng để chủ động thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình giảm ít nhất 10% so với số giao năm 2015 (năm 2021, Bộ Nội vụ cắt giảm 454 biên chế). Hiện nay, các đơn vị đang trong quá trình thực hiện tuyển dụng **1.256** chỉ tiêu, để đảm bảo sử dụng hiệu quả số biên chế được giao.

(Chi tiết theo Phụ lục 1, 2 đính kèm)

4. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc

a) Thuận lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 Ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp

tỉnh, cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) giai đoạn 2018-2021, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, là cơ sở để thực hiện việc cắt giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc.

Ngày 05/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 2708/QĐ-UBND giao quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự cho các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2020-2022. Theo đó, năm 2020, trên địa bàn tỉnh bổ sung thêm 04 đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính về tự đảm bảo chi thường xuyên, tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y dược cổ truyền, Bệnh viện phục hồi chức năng, Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Khó khăn, vướng mắc

Do một số cơ quan có số lượng biên chế công chức được giao từ trước năm 2015 tương đối thấp nên quá trình thực hiện cắt giảm biên chế thời gian qua còn nhiều khó khăn, tỷ lệ tinh giản của một số cơ quan không có hoặc rất thấp như Thanh tra tỉnh (0%), Sở Ngoại vụ (0%), Sở Kế hoạch và Đầu tư (4,88%), Sở Tư pháp (3,57%),...

Hiện nay, đối với ngành Y tế và ngành Giáo dục, trong năm 2020, tính theo định mức số lượng người làm việc quy định tại các Thông tư [1] thì số lượng người làm việc được giao cho ngành Giáo dục và ngành Y tế chưa đủ theo định mức quy định và Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Tây Ninh năm 2021 giao 17.548 người làm việc, giảm 454 người so với năm 2020.

II. Đề xuất giao biên chế công chức và giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021

1. Nguyên tắc giao

- Đến năm 2021, tất cả các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh phải thực hiện giảm tối thiểu 10% biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được giao so với năm 2015;

- Thực hiện sắp xếp lại biên chế công chức, số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) giai đoạn 2018-2021;

---

[1] Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BNV-BYT ngày 05/6/2007 của Bộ Nội vụ, Bộ Y tế về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước; Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc thực hiện Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án tinh giản biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015 - 2021 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; số lượng công chức, viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi và nghỉ việc trong giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2020;

- Việc giao biên chế công chức còn phải đảm bảo các nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 62/2020NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

- Thực hiện giảm số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên hoặc chi thường xuyên và chi đầu tư vì theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định số lượng người làm việc;

- Thực hiện việc giảm biên chế công chức, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao biên chế công chức, số lượng người làm việc nhưng nhiều năm liền chưa sử dụng hết số biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao (từ 02 năm liền trở lên, trừ các cơ quan, đơn vị có lý do chính đáng).

- Bổ sung số lượng người làm việc cho sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp y tế để góp phần giải quyết thực trạng thiếu biên chế sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp y tế.

2. Giao biên chế công chức

Ngày 12/10/2020, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 753/QĐ-BNV giao **1.791** biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Tây Ninh năm 2021, giảm **27** biên chế công chức so với năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị giao biên chế công chức như sau:

- Giảm 01 biên chế công chức đối với 07 cơ quan: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND huyện Dương Minh Châu, UBND huyện Tân Biên, UBND huyện Tân Châu.

- Giảm 02 biên chế công chức đối với 04 cơ quan: Sở Tài chính, UBND huyện Gò Dầu, UBND thành phố Tây Ninh, UBND thị xã Trảng Bàng.

- Giảm 03 biên chế công chức đối với 04 cơ quan: Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện Bến Cầu, UBND huyện Châu Thành, UBND thị xã Hòa Thành.

- Đối với biên chế của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh do thực hiện tách Văn phòng ra thành Văn

phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nên đề nghị ổn định biên chế năm 2021. Sau khi tách các Văn phòng thì sẽ thực hiện tinh giản biên chế tiếp tục theo lộ trình. Biên chế hiện nay của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm cả biên chế Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội và biên chế Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoạt động chuyên trách (gọi là biên chế khối lãnh đạo các cơ quan dân cử ở địa phương).

- Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: không thực hiện giảm biên chế trong năm 2021 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy giai đoạn 2. Theo đó, trong thời gian qua, do không đủ biên chế công chức để thực hiện nhiệm vụ nên Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải bố trí viên chức làm việc tại phòng chuyên môn thuộc Chi cục, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Sau khi tổ chức lại bộ máy giai đoạn 2 (dự kiến trong tháng 12/2020), 02 Chi cục này không bố trí biên chế viên chức mà phải bố trí công chức đúng theo quy định nên đề nghị không giảm biên chế công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giao biên chế công chức năm 2021 là **1.791** biên chế (giảm **27** biên chế công chức so với năm 2020) như sau:

- Đối với các Sở, ban, ngành tỉnh: **969** biên chế (giảm 09 biên chế).

- Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: **822** biên chế (giảm 18 biên chế).

(kèm theo Phụ lục 1)

2. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Ngày 20/8/2020, Bộ Nội vụ có Công văn số 4365/BNV-TCBC về việc về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Tây Ninh năm 2021. Theo đó, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Tây Ninh được thẩm định là **17.548** người, giảm **454** người so với năm 2020.

Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh về việc giao quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2020-2022, nên sẽ điều chỉnh giảm **1.043** biên chế (872 biên chế sự nghiệp Y tế và 171 biên chế sự nghiệp khác) của 04 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 702 biên chế , Bệnh viện Y dược cổ truyền: 110 biên chế, Bệnh viện phục hồi chức năng: 60 biên chế, Văn phòng đăng ký đất đai: 171 biên chế. Số lượng biên chế này sẽ giao bổ sung cho các đơn vị còn thiếu so với định mức quy định và các đơn vị sự nghiệp khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

* Điều chỉnh giảm **454** biên chế do Bộ Nội vụ thẩm định tại Công văn số 4365/BNV-TCBC ngày 20/8/2020 như sau:

- Giảm 431 biên chế sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo để các đơn vị sự nghiệp giáo dục đạt tỷ lệ giảm ít nhất 10% so với số giao năm 2015: Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 20 biên chế, UBND cấp huyện giảm 411 biên chế (cụ thể: Bến Cầu: 30, Châu Thành: 51, Dương Minh Châu: 50, Gò Dầu: 50, Hòa Thành: 60, Tân Biên: 31, Tân Châu: 40, thành phố Tây Ninh: 50, Trảng Bàng 49).

- Giảm 20 biên chế sự nghiệp Y tế theo lộ trình tinh giản biên chế ít nhất 10% so với số giao năm 2015.

- Giảm 03 biên chế sự nghiệp Văn hóa do thực hiện giảm theo lộ trình, đề án đã được phê duyệt: 01 biên chế của Trung tâm Văn hóa – Thể thao và truyền thanh huyện Dương Minh Châu và 02 biên chế của Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh.

* Điều chỉnh bổ sung **1.043** biên chế cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế hiện thiếu biên chế so với định mức quy định tại Thông tư và các đơn vị sự nghiệp khác:

- Đề nghị bổ sung tăng 220 biên chế sự nghiệp Y tế (cụ thể cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố vì nhu cầu bổ sung theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BNV-BYT ngày 05/6/2007 của Bộ Nội vụ, Bộ Y tế về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước cần bổ sung 382 biên chế, tỷ lệ bổ sung đạt khoảng 57,59% so với nhu cầu).

- Đề nghị bổ sung tăng 786 biên chế sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo:

+ Bổ sung tăng 70 biên chế cho Sở Giáo dục và Đào tạo (cụ thể cho các trường THPT vì nhu cầu bổ sung theo định mức quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập cần bổ sung 359 biên chế, tỷ lệ bổ sung đạt khoảng 19,50% so với nhu cầu).

+ Bổ sung tăng 716 biên chế cho UBND các huyện, thị xã, thành phố (cụ thể: Bến Cầu: 50, Châu Thành: 91, Dương Minh Châu: 80, Gò Dầu: 85, Hòa Thành: 85, Tân Biên: 61, Tân Châu: 80, thành phố Tây Ninh: 90, Trảng Bàng 94; để bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở vì so với nhu cầu bổ sung theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các

cơ sở giáo dục phổ thông công lập cần bổ sung 1.740 biên chế, tỷ lệ bổ sung đạt khoảng 41,15% so với nhu cầu).

- Đề nghị bổ sung tăng 37 biên chế sự nghiệp khác:

+ Bổ sung 27 biên chế sự nghiệp cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ do hiện nay Trung tâm Khoa học và Công nghệ là đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

+ Đề nghị bổ sung tăng 05 biên chế sự nghiệp cho Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát để đáp ứng đủ nhân sự thực hiện nhiệm vụ.

+ Đề nghị bổ sung tăng 05 biên chế sự nghiệp cho Trung tâm Giám sát, điều hành kinh tế, xã hội tập trung tỉnh Tây Ninh để bổ sung theo lộ trình, đáp ứng đủ nhân sự thực hiện nhiệm vụ.

Từ các cơ sở trên và để thực hiện đúng theo số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã được Bộ Nội vụ thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2021 là **17.548** người, giảm **454** người so với năm 2020, trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 14.377 người (tăng 355 người);
- Sự nghiệp Y tế: 2.291 người (giảm 672 người);
- Sự nghiệp Văn hóa: 385 người (giảm 03 người);
- Sự nghiệp khác: 495 người (giảm 134 người).

(Kèm theo Phụ lục 2)

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, NCPC, TH;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

K.Quý

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ DỰ KIẾN GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2021

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(16')*	*(17)*
	Tổng số:	**2,010**	**2,010**	**1,979**	**1,949**	**1,858**	**1,818**	**0**	**31**	**30**	**40**	**40**	**1,675**	**143**	**27**	**1,791**	***8.58***	***10.41***	**Năm 2019, điều chuyển 56 biên chế công chức của Chi cục quản lý thị trường về Trung ương, và tiếp nhận 05 biên chế công chức từ VP Quốc hội về địa phương**
I	**Cấp tỉnh**	**1,118**	**1,118**	**1,099**	**1,080**	**998**	**978**	**0**	**19**	**19**	**22**	**20**	**905**	**73**	**9**	**969**	***8.41***	***9.93***	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	50	49	48	46	45	0	1	1	2	1	41	4	1	44	***12.00***	***14.00***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 02/10 phòng)
2	Sở Y tế	59	59	58	57	56	54	0	1	1	1	2	48	6	1	53	***10.17***	***11.86***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 02/7 phòng và chuyển 01 chi cục thành phòng)

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(16')	(17)
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	172	172	171	167	162	159	0	1	4	5	3	139	20	0	159	*7.56*	*9.30*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 01 phòng chuyên môn, 02 Chi cục). Đang dự kiến xét chuyển 12 viên chức thành công chức
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	46	46	45	44	43	42	0	1	1	1	1	39	3	1	41	*10.87*	*13.04*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 4/9 phòng)
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	41	40	40	40	39	0	1	0	0	1	39	0	0	39	*4.88*	*4.88*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/8 phòng)
6	Sở Xây dựng	49	49	48	47	37	36	0	1	1	1	1	35	1	0	36	*10.00*	*10.00*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/7 phòng). Năm 2019 điều chuyển 09 biên chế công chức về 09 huyện, thị xã, thành phố
7	Sở Khoa học và Công nghệ	40	40	40	40	39	38	0	0	0	1	1	37	1	3	35	*12.50*	*15.00*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 3/7 phòng). Tháng 7/2021 và tháng 12/2021 có công chức nghỉ hưu

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(16')	(17)
8	Sở Tư pháp	31	31	30	27	27	27	0	1	0	0	0	25	2	0	27	*3.57*	*3.57*	Năm 2018, điều chuyển 03 biên chế về VP.UBND tỉnh. Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/7 phòng)
9	Sở Tài chính	61	61	60	59	59	57	0	1	1	0	2	53	4	2	55	*9.84*	*11.48*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/8 phòng)
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	58	58	58	57	55	55	0	0	1	2	0	53	2	0	55	*5.17*	*6.90*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/6 phòng và chuyển 02 Chi cục thành phòng)
11	Sở Giao thông vận tải	63	63	62	65	63	63	0	1	0	2	0	58	5	0	63	*4.55*	*6.06*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 1/5 phòng)
	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3	3	3				0	0										
	Văn phòng Sở Công Thương	40	40	39	38	37	36	0	1	1	1	1	35	1	0				Năm 2019, điều chuyển 56 biên chế công chức của Chi cục quản lý thị trường về Trung

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(16')	(17)
12	Chi cục Quản lý thị trường	57	57	56	56	0		0	1	0						36	*10.00*	*12.50*	quản lý thị trường về Trung ương. Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/7phòng)
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	53	53	52	52	51	49	0	1	0	1	2	43	6	1	48	*9.43*	*11.32*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 02/7 phòng và chuyển 01 chi cục thành phòng)
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	59	59	57	62														Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 4/14 phòng, ban) Năm 2018, tiếp nhận 03 biên chế từ Sở Tư pháp và 02 biên chế từ Sở Nội vụ, tăng 02 biên chế do thành lập Trung tâm hành chính công. Năm 2020, điều chuyển 02 biên chế quản lý dân tộc về Sở Nội vụ
	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0	0	0	2			0	2	-2									

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(16')*	*(17)*
14	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	31	31	28	28	95	90	0	3	0	2	3	85	5	0	90	*8.89*	*10.00*	Năm 2017, VP.ĐĐBQH điều chuyển 03 biên chế của VP. Đoàn ĐBQH về Trung ương. Năm 2019, tiếp nhận 05 biên chế công chức VP. Đoàn ĐBQH từ Trung ương về địa phương. Như vậy số lượng biên chế giảm của VP.ĐĐBQH,HĐND và UBND tỉnh là năm 2017 giảm 2, năm 2019 giảm 2, năm 2020 giảm 4
15	Sở Nội vụ	79	79	78	68	68	70	0	1	8	0	0	62	8	0	70	*11.39*	*13.92*	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/6 phòng). Năm 2018, điều chuyển 02 biên chế về VP.UBND tỉnh. Năm 2020, tiếp nhận nhiệm vụ dân tộc và 02 biên chế công chức từ VP.ĐĐBQH,HĐND và UBND tỉnh

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(16')*	*(17)*
16	Sở Thông tin và Truyền thông	29	29	29	28	27	26	0	0	1	1	1	23	3	0	26	***10.34***	***10.34***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 2/6 phòng)
17	Sở Ngoại vụ	20	20	20	20	20	20	0	0	0	0	0	20	0	0	20	***0.00***	***0.00***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 02/5 phòng)
18	Thanh tra tỉnh	31	31	31	31	31	31	0	0	0	0	0	29	2	0	31	***0.00***	***0/31***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 02/6 phòng)
19	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	46	46	45	44	42	41	0	1	1	2	1	41	0	0	41	***10.87***	***13.04***	Đã thực hiện sắp xếp theo Đề án số 2414 (giảm 01/6 phòng)
II	**Cấp huyện**	**892**	**892**	**878**	**869**	**860**	**840**	**0**	**14**	**9**	**18**	**20**	**770**	**70**	**18**	**822**	***8.77***	***10.77***	
1	Huyện Bến Cầu	97	97	96	95	95	94	0	1	1	1	1	87	7	3	91	***7.14***	***9.18***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế. Đang dự kiến xét chuyển 04 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(16')*	*(17)*
2	Huyện Châu Thành	100	100	98	97	96	94	0	2	1	2	2	86	8	3	91	***9.90***	***11.88***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế. Đang dự kiến xét chuyển 04 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện
3	Huyện Dương Minh Châu	97	97	96	95	94	92	0	1	1	2	2	83	9	1	91	***7.14***	***9.18***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế . Đang dự kiến xét chuyển 02 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện
4	Huyện Gò Dầu	100	100	98	97	95	93	0	2	1	3	2	88	5	2	91	***9.90***	***11.88***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế . Đang dự kiến xét chuyển 02 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện
5	Thị xã Hòa Thành	101	101	99	98	98	95	0	2	1	1	3	85	10	3	92	***9.80***	***11.76***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế. Đang dự kiến xét chuyển 03 công chức cấp xã và 01 viên chức thành công chức cấp huyện
6	Huyện Tân Biên	97	97	96	95	94	92	0	1	1	2	2	82	10	1	91	***7.14***	***9.18***	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế

	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức giao năm 2015	Biên chế công chức giao năm 2016	Biên chế công chức giao năm 2017	Biên chế công chức giao năm 2018	Biên chế công chức giao năm 2019	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2016	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2017	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2018	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2019	Biên chế công chức đã giảm trong năm 2020	Số công chức có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	Tỷ lệ (%) giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tính số giảm trong năm 2015)	Ghi chú
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(16')*	*(17)*
7	Huyện Tân Châu	97	97	96	95	94	92	0	1	1	2	2	86	6	1	91	*7.14*	*9.18*	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế
8	Thành phố Tây Ninh	101	101	99	98	97	94	0	2	1	2	3	89	5	2	92	*9.90*	*11.76*	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế . Đang dự kiến xét chuyển 02 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện
9	Thị xã Trảng Bàng	102	102	100	99	97	94	0	2	1	3	3	84	10	2	92	*10.68*	*12.62*	Năm 2019, bổ sung 01 biên chế. Đang dự kiến xét chuyển 01 viên chức thành công chức cấp huyện, 05 công chức cấp xã thành công chức cấp huyện
III	**Dự phòng**	**0**	**0**	**2**	**0**		0	**0**	**-2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	0			

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ DỰ KIẾN GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020														
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	Tổng số	**19,289**	**19,289**	**18,775**	**18,382**	**18,035**	**18,418**	**18,002**	**0**	**514**	**393**	**347**	**383**	**416**	**16,566**	**1,436**	**454**	**1,043**	**-1,043**	**17,548**	***11.01***	
I	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	**14,649**	**14,694**	**14,441**	**14,229**	**13,959**	**14,342**	**14,022**	**-45**	**253**	**212**	**270**	**383**	**320**	**13,318**	**704**	**431**	**0**	**-786**	**14,377**	***9.84***	
I.1	**Cấp tỉnh**	**2,409**	**2,362**	**2,166**	**2,099**	**2,042**	**2,042**	**2,012**	**0**	**55**	**67**	**57**	**0**	**30**	**1,871**	**141**	**20**	**0**	**-70**	**2,062**	***10.31***	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	182	182	236	222	207	207	207	0	1	14	15		0	160	47	0	0	0	207	*12.40*	Sở đang tuyển dụng 22 chỉ tiêu
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,192	2,145	1,897	1,844	1,804	1,804	1,774	0	52	53	40		30	1,685	89	20	0	-70	1,824	*10.01*	Sở đang tuyển dụng 73 chỉ tiêu
3	Sở Y tế	35	35	33	33	31	31	31	0	2	0	2		0	26	5	0	0	0	31	*11.43*	Sở đang tuyển dụng 03 chỉ tiêu
I.2	**Cấp huyện**	**12,240**	**12,332**	**12,275**	**12,130**	**11,917**	**12,300**	**12,010**	**-45**	**198**	**145**	**213**	**383**	**290**	**11,447**	**563**	**411**	**0**	**-716**	**12,315**	***10.11***	
1	Huyện Bến Cầu	854	870	871	861	848	877	852	-16	11	10	13	29	25	816	36	30	0	-50	872	*10.28*	UBND huyện đang tuyển dụng 41 chỉ tiêu
2	Huyện Châu Thành	1,605	1,603	1,600	1,585	1,560	1,605	1,555	2	20	15	25	45	50	1,523	32	51	0	-91	1,595	*10.05*	UBND huyện đang tuyển dụng 24 chỉ tiêu
3	Huyện Dương Minh Châu	1,342	1,341	1,329	1,309	1,294	1,305	1,280	1	25	20	15	11	25	1,223	57	50	0	-80	1,310	*10.04*	UBND huyện đang tuyển dụng 54 chỉ tiêu
4	Huyện Gò Dầu	1,426	1,426	1,406	1,388	1,363	1,392	1,367	0	29	18	25	29	25	1,270	97	50	0	-85	1,402	*10.24*	UBND huyện đang tuyển dụng 71 chỉ tiêu
5	Thị xã Hòa Thành	1,453	1,461	1,453	1,442	1,422	1,443	1,413	-8	30	11	20	21	30	1,353	60	60	0	-85	1,438	*10.24*	UBND thị xã đang tuyển dụng 73 chỉ tiêu

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020														
6	Huyện Tân Biên	1,191	1,199	1,203	1,185	1,155	1,233	1,203	-8	12	18	30	78	30	1,139	64	31	0	-61	1,233	*10.02*	UBND huyện đang tuyển dụng 62 chỉ tiêu
7	Huyện Tân Châu	1,450	1,458	1,446	1,429	1,399	1,445	1,410	-8	27	17	30	46	35	1,333	77	40	0	-80	1,450	*10.17*	UBND huyện đang tuyển dụng 59 chỉ tiêu
8	Thành phố Tây Ninh	1,408	1,463	1,460	1,442	1,417	1,464	1,434	-8	28	18	25	47	30	1,386	48	50	0	-90	1,474	*10.20*	UBND thành phố đang tuyển dụng 57 chỉ tiêu
9	Thị xã Trảng Bàng	1,511	1,511	1,507	1,489	1,459	1,536	1,496	0	16	18	30	77	40	1,404	92	49	0	-94	1,541	*10.05*	UBND thị xã đang tuyển dụng 86 chỉ tiêu
II	**Sự nghiệp y tế**	**3,165**	**3,236**	**3,152**	**3,065**	**3,023**	**3,023**	**2,963**	**-71**	**84**	**87**	**42**	**0**	**60**	**2,391**	**572**	**20**	**872**	**-220**	**2,291**	***36.53***	
	Sở Y tế	3,165	3,236	3,152	3,065	3,023	3,023	2,963	-71	84	87	42		60	2,391	572	20	872	-220	2,291	*36.53*	Bổ sung 200 biên chế sự nghiệp y tế . Sở đang tuyển 602 viên chức sự nghiệp y tế. Năm 2020 có 03 ĐVSN tự chủ chi thường xuyên: 872 biên chế (BVĐK:702, BVYDCT:110, BVPHCN:60)
III	**Sự nghiệp văn hóa**	**437**	**434**	**428**	**418**	**401**	**401**	**388**	**3**	**6**	**10**	**17**		**13**	**314**	**74**	**3**	**0**	**0**	**385**	***11.21***	
III.1	**Cấp tỉnh**	**287**	**284**	**281**	**275**	**267**	**267**	**261**	**3**	**3**	**6**	**8**		**6**	**217**	**44**	**2**	**0**	**0**	**259**	***9.06***	
1	Đài Phát thanh và truyền hình	100	99	98	96	94	94	92	1	1	2	2		2	63	29	2	0	0	90	*10.00*	Đơn vị đang tuyển dụng 22 chỉ tiêu
2	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	169	152	151	147	142	142	138	2	1	4	5		4	125	13	0	0	0	138	*10.19*	
3	Ban Quản lý các khu di tích lịch sử Cách mạng miền Nam	18	18	17	17	17	17	17	0	1	0	0		0	15	2	0	0	0	17	*8.70*	Đơn vị đang tuyển dụng 01 chỉ tiêu
4	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen tỉnh	0	15	15	15	14	14	14	0	0	0	1		0	14	0	0	0	0	14	*8.33*	

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020													
III.2	**Cấp huyện**	**150**	**150**	**147**	**143**	**134**	**134**	**127**	**0**	**3**	**4**	**9**	**0**	**7**	**97**	**30**	**1**	**0**	**0**	**126**	***15.33***	
1	Huyện Bến Cầu	13	13	13	13	13	13	13	0	0	0	0		0	10	3	0	0	0	13	*0.00*	
2	Huyện Châu Thành	15	15	15	15	15	15	14	0	0	0	0		1	10	4	0	0	0	14	*6.67*	
3	Huyện Dương Minh Châu	17	17	16	16	15	15	15	0	1	0	1		0	14	1	1	0	0	14	*17.65*	
4	Huyện Gò Dầu	21	21	21	19	16	16	15	0	0	2	3		1	10	5	0	0	0	15	*28.57*	
5	Thị xã Hòa Thành	17	17	17	17	15	15	14	0	0	0	2		1	10	4	0	0	0	14	*17.65*	
6	Huyện Tân Biên	17	17	16	16	15	15	14	0	1	0	1		1	10	4	0	0	0	14	*17.65*	
7	Huyện Tân Châu	16	16	16	15	15	15	14	0	0	1	0		1	11	3	0	0	0	14	*12.50*	
8	Thành phố Tây Ninh	17	17	17	16	15	15	14	0	0	1	1		1	10	4	0	0	0	14	*17.65*	
9	Thị xã Trảng Bàng	17	17	16	16	15	15	14	0	1	0	1		1	12	2	0	0	0	14	*17.65*	
IV	**Sự nghiệp khác**	**802**	**764**	**754**	**670**	**652**	**652**	**629**	**38**	**10**	**84**	**18**		**23**	**543**	**86**	**0**	**171**	**-37**	**495**	***16.96***	
IV.1	**Cấp tỉnh**	**750**	**727**	**717**	**574**	**560**	**560**	**545**	**23**	**10**	**59**	**14**	**0**	**15**	**474**	**71**	**0**	**171**	**-37**	**411**	***12.61***	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	233	222	217	215	210	210	214	2	5	2	5		5	178	36	0	0	0	214	*8.48*	Năm 2020 tiếp nhận 09 biên chế sự nghiệp từ BQL Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát
2	Sở Khoa học và Công nghệ	10	10	10	0	0	0	0	0	0	10	0		0			0	0	-27	27	*-170.00*	

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020														
3	Sở Tư pháp	42	42	42	31	31	31	21	0	0	11	0		10	26	-5	0	0	0	21	*50.00*	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	297	296	292	191	188	188	186	1	4	17	3		2	172	14	0	171	0	15	*92.96*	Năm 2020 VP.ĐKĐĐ tự chủ chi thường xuyên:171 biên chế
5	Sở Giao thông vận tải	10	10	10	9	9	9	9	0	0	1	0		0	9	0	0	0	0	9	*10.00*	
6	Sở Công Thương	19	19	19	19	17	17	17	0	0	0	2		0	15	2	0	0	0	17	*10.53*	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13	13	12	12	12	12	12	0	1	0	0		0	8	4	0	0	0	12		Sở đang tuyển dụng 03 chỉ tiêu
8	Văn phòng ĐĐBQH-HĐND và UBND tỉnh	16	16	16	15	14	14	14	0	0	1	1		0	5	9	0	0	0	14	*12.50*	
9	Sở Nội vụ	8	8	8	10	10	10	10	0	0	-2	0		0	9	1	0	0	0	10	*0.00*	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	12	12	12	12	11	11	14	0	0	0	1		-3	10	4	0	0	-5	19	*8.33*	
11	BQL Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát	37	37	37	36	35	35	25	0	0	1	1		1	19	6	0	0	-5	30	*8.11*	Năm 2020 điều chuyển 09 biên chế sự nghiệp về Sở Nông nghiệp và PTNT
12	Ban Quản lý các khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam	5	5	5	5	4	4	4	0	0	0	1		0	4	0	0	0	0	4		
13	Văn phòng Ban An toàn giao thông	2	2	2	0	0	0	0	0	0	2	0		0	0	0	0	0	0	0		
14	Trung tâm học tập, sinh hoạt thanh thiếu nhi tỉnh	8	8	8	8	8	8	8	0	0	0	0		0	8	0	0	0	0	8	*0.00*	
15	Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Xa Mát	5	5	7	0	0	0	0	0	-2	7	0		0	0	0	0	0	0	0	*100.00*	Tự chủ chi thường xuyên năm 2018.
16	Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài	5	5	8	0	0	0	0	0	-3	8	0		0	0	0	0	0	0	0	*100.00*	
17	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen tỉnh	0	9	9	8	8	8	8	0	0	1	0		0	8	0	0	0	0	8		

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020														
18	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	3	3	3	3	3	3	3	0	0	0	0		0	3	0	0	0	0	3		
19	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	5	5	0	0	0	0	0	0	5	0	0		0	0	0	0	0	0	0	*100.00*	Năm 2018, giải thể Ban Quản lý dự án khu kinh tế cửa khẩu
20	Trung tâm quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	20	0	0	0	0	0	0	20	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	*100.00*	Giải thể
IV.2	**Cấp huyện**	**52**	**37**	**37**	**96**	**92**	**92**	**84**	**15**	**0**	**25**	**4**		**8**	**69**	**15**	**0**	**0**	**0**	**84**	***38.24***	
1	Huyện Bến Cầu	5	4	4	11	11	11	9	1	0	2	0		2	8	1	0	0	0	9	*21.43*	
2	Huyện Châu Thành	8	6	6	11	11	11	9	2	0	4	0		2	7	2	0	0	0	9	*35.29*	
3	Huyện Dương Minh Châu	8	8	8	12	11	11	9	0	0	5	1		2	8	1	0	0	0	9	*35.29*	
4	Huyện Gò Dầu	5	0	0	10	10	10	10	5	0	0	0		0	7	3	0	0	0	10	*33.33*	
5	Thị xã Hòa Thành	7	5	5	10	9	9	9	2	0	4	1		0	8	1	0	0	0	9	*41.18*	
6	Huyện Tân Biên	7	5	5	9	9	9	9	2	0	5	0		0	9	0	0	0	0	9	*41.18*	
7	Huyện Tân Châu	4	3	3	10	10	10	9	1	0	2	0		1	5	4	0	0	0	9	*21.43*	
8	Thành phố Tây Ninh	3	2	2	10	10	10	10	1	0	2	0		0	7	3	0	0	0	10	*23.08*	
9	Thị xã Trảng Bàng	5	4	4	13	11	11	10	1	0	1	2		1	10	0	0	0	0	10	*26.67*	
V	**Các Hội**	**113**	**113**	**0**	**0**				**0**	**113**	**0**				**0**	**0**						
VI	**Dự phòng**	**123**	**48**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**75**	**48**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		

Ghi chú:

Cách tính các cột trong biểu như sau:

Cột 8 = cột 1 - cột 2

Cột 9 = cột 2 - cột 3

Cột 10 = cột 3 - cột 4

Cột 11 = cột 4 - cột 5

Cột 13 = cột 5 - cột 7

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập							Số lượng đã giảm trong năm 2016	Số lượng đã giảm trong năm 2017	Số lượng đã giảm trong năm 2018	Số lượng đã giảm trong năm 2019	Số lượng đã bổ sung giáo viên mầm non	Số lượng đã giảm trong năm 2020	Số lượng có mặt tại thời điểm tháng 10/2020	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm tháng 10/2020	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do Bộ Nội vụ thẩm định	Số lượng dự kiến giảm trong năm 2021 do tự chủ chi thường xuyên	Số lượng dự kiến bổ sung trong năm 2021	Số lượng dự kiến giao năm 2021	*Tỷ lệ (%) cắt giảm biên chế giai đoạn 2015-2021 (tạm tính)*	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (trước khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2019 (sau khi bổ sung 383 biên chế giáo viên mầm non)	Năm 2020														

Cột 15 = cột 7 - cột 14

Cột 17 = cột 7 - cột 16

Cột 19 = cột 7 - cột 16 -cột 17 - cột 18

Cột 20 = (cột 9 + cột 10+ cột 11+ cột 13+ cột 16+ cột 17)/ cột 1*100%

Đối với sự nghiệp giáo dục của UBND các huyện thành phố thì cách tính tỷ lệ cắt giảm biên chế tại cột 20 như sau:

Cột 20 = (cột 9+ cột 10+ cột 11+ cột 13+cột 16+ cột 17)/ (cột 1+ biên chế Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên huyện, thành phố)*100%

* Khi tính tỷ lệ giảm biên chế ở cột 20 không tính cộng các cột bổ sung cho sự nghiệp giáo dục và y tế